

Số: 08 /2018/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT, ngày 03/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện Điểm a Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23/12/2015 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 210/TTr-SNNPTNT ngày 14/5/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành



Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 6 năm 2018. *the*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ NN&PTNT;
- Cục KTVB QPPL – Bộ Tư pháp;
- Cục Chăn nuôi – Bộ NN&PTNT;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công báo Kiên Giang;
- Website Kiên Giang;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, SNNPTNT, cvquoc (01b). *218*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng



QUY ĐỊNH

**Về thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ
giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 08 /2018/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức hỗ trợ các loại con giống, vật tư, công trình xử lý chất thải để nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2018 – 2020.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi heo (lợn), trâu, bò, gia cầm, trừ các hộ chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp.
- b) Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (bao gồm trâu, bò, heo).
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ.

**Chương II
TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VÀ ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ**

Điều 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức hỗ trợ hộ chăn nuôi phối giống nhân tạo cho heo hàng năm

1. Loại tinh: Sử dụng tinh của các giống heo ngoại có trong danh mục giống vật nuôi được sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

2. Định mức hỗ trợ liều tinh:

Hỗ trợ 100% kinh phí về liều tinh cho các hộ chăn nuôi để thực hiện phối giống cho heo nái. Mức hỗ trợ không quá 02 liều tinh cho một lần phối giống và không quá 05 liều tinh cho một heo nái/năm;

3. Đơn giá liều tinh: Theo thời điểm lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm.

4. Điều kiện hưởng hỗ trợ:

Để được hỗ trợ, hộ chăn nuôi phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Chăn nuôi dưới hoặc 10 con heo nái, có nhu cầu, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

b) Sử dụng loại tinh theo quy định tại Khoản 1 Điều này và có nhãn mác rõ ràng, tiêu chuẩn chất lượng liệu tinh theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức hỗ trợ hộ chăn nuôi phối giống nhân tạo cho trâu, bò hàng năm

1. Loại tinh: Sử dụng tinh của các giống trâu, bò ngoại có trong danh mục giống vật nuôi được sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam, trâu đực giống trong nước.

2. Vật tư và định mức vật tư:

a) Ni tơ lỏng: 1,5 lít/01 bò cái hướng thịt có chữa, 2,0 lít/ 01 bò cái hướng sữa có chữa; 3,0 lít/ 01trâu cái có chữa;

b) Găng tay, dẫn tinh quản hoặc ống dẫn tinh, súng bắn tinh: Phù hợp theo số liệu tinh sử dụng.

3. Định mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 100% kinh phí vật tư phối giống nhân tạo (tinh đông lạnh và Nitơ lỏng, găng tay, dẫn tinh quản) cho các hộ chăn nuôi để phối giống cho trâu, bò cái sinh sản. Mức hỗ trợ không quá 2 liều tinh/bò thịt/năm, 04 liều tinh/bò sữa hoặc trâu/năm.

4. Đơn giá liệu tinh, vật tư: Theo thời điểm lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm.

5. Điều kiện hưởng hỗ trợ:

Để được hỗ trợ, hộ chăn nuôi phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Chăn nuôi từ 10 con trâu, bò trở xuống sinh sản, có nhu cầu, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

b) Sử dụng loại tinh theo quy định tại Khoản 1 Điều này, có nhãn mác rõ ràng và tiêu chuẩn chất lượng liệu tinh theo quy định tại Khoản 2 Điều 3, Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT.

Điều 4. Tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức hỗ trợ hộ chăn nuôi mua heo, trâu, bò đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị.

1. Loại giống:

a) Giống heo: Các giống heo ngoại có trong danh mục giống vật nuôi được sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

b) Giống bò: Sử dụng các giống bò ngoại và bò lai có trong danh mục giống vật nuôi được sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

c) Giống trâu: Sử dụng giống trâu nội.



2. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị con giống heo, trâu, bò đực giống cho các hộ chăn nuôi ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn để thực hiện phối giống dịch vụ như sau:

- Hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 con đối với heo đực giống từ 06 tháng tuổi trở lên; mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 03 con heo đực giống;

- Hỗ trợ không quá 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/1 con đối với bò đực giống từ 12 tháng tuổi trở lên hoặc 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng)/1 con đối với trâu đực giống từ 24 tháng tuổi trở lên; mỗi hộ được hỗ trợ mua một con trâu hoặc một con bò đực giống.

b) Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị gà, vịt giống bố mẹ hậu bị. Mức hỗ trợ bình quân đối với gà, vịt giống không quá 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng)/1 con; mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 200 con gà hoặc 200 con vịt giống bố mẹ hậu bị.

3. Điều kiện hưởng hỗ trợ:

Để được hỗ trợ, hộ chăn nuôi phải bảo đảm các điều kiện:

a) Chăn nuôi các đối tượng heo, trâu, bò đực giống để phối giống dịch vụ hoặc nuôi gà, vịt giống gắn với ấp nở cung cấp con giống; có nhu cầu, làm đơn đăng ký và cam kết thực hiện nghiêm kỹ thuật chăn nuôi an toàn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

b) Mỗi hộ chỉ được hỗ trợ mua một trong các đối tượng: Hoặc heo đực giống, hoặc trâu đực giống, hoặc bò đực giống, hoặc gà giống, hoặc vịt giống.

c) Mua loại giống theo quy định tại Khoản 1 của Điều này, có nguồn gốc từ các cơ sở sản xuất giống vật nuôi, có lý lịch rõ ràng; tiêu chuẩn chất lượng con giống đúng quy định tại Điều 4 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT.

Điều 5. Tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức hỗ trợ hộ chăn nuôi xây dựng công trình khí sinh học và đệm lót sinh học

1. Tiêu chuẩn kỹ thuật công trình khí sinh học và đệm lót sinh học:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT.

Định mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị xây công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 công trình/1 hộ;

b) Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị làm đệm lót sinh học xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 hộ.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ:



Để được hỗ trợ, hộ chăn nuôi phải bảo đảm các điều kiện:

a) Chăn nuôi với quy mô thường xuyên không ít hơn: 05 con heo nái hoặc 10 con heo thịt hoặc 03 con trâu, bò hoặc 200 con gia cầm sinh sản và tương đương; có nhu cầu xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

b) Có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc xây mới công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học đáp ứng hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Mỗi hộ chỉ được hưởng hỗ trợ kinh phí để xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học.

Điều 6. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc

1. Số lượng: Tối đa 100 người.

2. Đơn giá: Theo quy định của cơ sở đào tạo, tập huấn được Cục Chăn nuôi chỉ định.

3. Định mức hỗ trợ:

Hỗ trợ một lần đến 100% kinh phí đào tạo, tập huấn cho các cá nhân về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc. Mức hỗ trợ không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/1 người.

Điều kiện hưởng hỗ trợ:

Để được hỗ trợ, người đi đào tạo, tập huấn phải bảo đảm các điều kiện:

a) Dưới 40 tuổi và đã hoàn thành chương trình trung học phổ thông.

b) Có nhu cầu, làm đơn và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

Điều 7. Hỗ trợ bình chứa Nito lỏng cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc

1. Loại bình: Chuyên dùng chứa Nito lỏng từ 1,0 - 3,7 lít.

2. Đơn giá: Theo thời điểm lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm.

3. Định mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 1 lần đến 100% giá trị bình chứa Nito lỏng từ 1,0 đến 3,7 lít cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 bình/1 người.

4. Điều kiện hưởng hỗ trợ:

Để được hỗ trợ, người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc phải bảo đảm các điều kiện:

a) Đã qua đào tạo, tập huấn có chứng chỉ; có nhu cầu, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận;

b) Mua loại bình phù hợp quy định của địa phương và có cam kết bảo quản, sử dụng bình trong thời gian không ít hơn 5 năm.

Điều 8. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ

Đối với điều kiện hỗ trợ tại mỗi chính sách và nguyên tắc áp dụng hỗ trợ thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

a) Căn cứ nhu cầu thị trường về các sản phẩm chăn nuôi, lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; đồng thời, hướng dẫn cơ quan quản lý chuyên ngành cấp huyện xác nhận các hộ mua con giống, áp dụng kỹ thuật xử lý chất thải đáp ứng quy định để được hưởng chính sách và theo dõi việc triển khai thực hiện các nội dung của Quy định này.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định, giao nhiệm vụ và công bố danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi hoặc vật tư chăn nuôi cung cấp liệu tinh, con giống và vật tư trên địa bàn tỉnh.

c) Chỉ đạo đơn vị chuyên môn làm đầu mối kiểm tra chất lượng tinh gia súc và con giống vật nuôi, bình chứa Nitơ lỏng.

d) Hàng năm kiểm tra, tổng hợp, báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ khả năng ngân sách và các nguồn tài chính khác, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện chính sách có hiệu quả; hướng dẫn cơ chế tài chính và thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức điều tra (đến từng ấp, khóm), lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, xây dựng kế hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

Phối hợp rà soát, cung cấp danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi hoặc vật tư chăn nuôi cung cấp liệu tinh, con giống và vật tư đảm

bảo chất lượng, đủ về số lượng cho người chăn nuôi trên địa bàn chủ động lựa chọn. Xác nhận các hộ mua con giống, áp dụng kỹ thuật xử lý chất thải đáp ứng quy định để được hưởng chính sách hỗ trợ.

b) Tuyên truyền phổ biến rộng rãi Quy định này để các đối tượng hưởng chính sách biết, thực hiện.

c) Thực hiện hỗ trợ đúng đối tượng, công khai danh sách các đối tượng được hưởng đến từng ấp, khóm, xã, phường, thị trấn; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chính sách tại địa phương.

d) Quản lý, cấp phát và thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ hàng năm; nghiệm thu, thanh lý các hạng mục hỗ trợ trên địa bàn theo qui định.

đ) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Tổ chức điều tra (đến từng ấp, khóm), lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Xác nhận đơn đăng ký của cá nhân có nhu cầu làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc, các hộ mua con giống, áp dụng kỹ thuật xử lý chất thải đáp ứng quy định để được hưởng chính sách hỗ trợ.

c) Tuyên truyền phổ biến rộng rãi Quy định này để các đối tượng hưởng chính sách biết, thực hiện.

5. Hộ chăn nuôi

a) Chăn nuôi bảo đảm vệ sinh phòng dịch, bảo vệ môi trường gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

b) Cam kết chăm sóc nuôi dưỡng và khai thác con đực giống ít nhất 24 tháng đối với heo và 48 tháng đối với trâu, bò; trừ trường hợp chết, loại thải hoặc thiên tai, dịch bệnh.

c) Không sử dụng con đực heo, trâu, bò không đạt tiêu chuẩn để phối giống dịch vụ.

d) Thực hiện các quy định và hướng dẫn của địa phương để được hưởng chính sách hỗ trợ.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn hoặc tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng